

Số: 18 /CV-CT

TP HCM, ngày tháng năm 2014

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 11607
Ngày: 04/04/14
Chuyến: *[Handwritten]*
Lưu hồ sơ số: *[Handwritten]*

Giải trình chênh lệch số
liệu BCTC năm 2013

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Liên quan đến chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính năm 2013, nay Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình như sau:

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2013 đã được Kiểm toán viên điều chỉnh và phân loại lại như sau:

Khoản mục	Mã số	31/12/2013 (trước kiểm toán)	31/12/2013 (đã kiểm toán)	Chênh lệch	
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	93.251.674.879	92.953.980.015	(297.694.864)	
Tài sản cố định hữu hình	221	63.418.169.398	63.034.891.844	(383.277.554)	(1)
Tài sản cố định vô hình	227	20.607.370.732	20.536.461.639	(70.909.093)	(2)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(589.229.991)	(535.162.661)	54.067.330	(3)
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.411.285.398	1.513.709.851	102.424.453	(4)
NỢ PHẢI TRẢ		23.740.383.285	23.730.576.251	(9.807.034)	
Vay và nợ ngắn hạn	311	11.339.906.020	13.613.195.015	2.273.288.995	(5)
Chi phí phải trả	316	257.398.097	389.859.991	132.461.894	(6)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	743.070.184	610.608.290	(132.461.894)	(7)
Vay và nợ dài hạn	334	5.639.156.449	3.356.060.420	(2.283.096.029)	(8)
VỐN CHỦ SỞ HỮU		111.608.467.832	111.320.580.002	(287.887.830)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(2.300.847.465)	(2.588.735.295)	(287.887.830)	(9)

Chi tiết chênh lệch:

(1) Mã số 221 giảm do Kiểm toán trích bổ sung chi phí khấu hao hệ thống ép nắp nhựa đã ghi nhận tăng nguyên giá trong năm 2013, số tiền 351.762.194 đồng và phân loại lại tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo thông tư 45/2013/BTC, số tiền 33.510.000 đồng (nguyên giá là 33.510.000 đồng và hao mòn lũy kế là 1.994.640 đồng).

(2) Mã số 227 giảm do Kiểm toán phân loại lại tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo thông tư 45/2013/BTC, số tiền 72.727.273 đồng (nguyên giá là 72.727.273 đồng và hao mòn lũy kế là 1.818.180 đồng).

(3) Mã số 259 giảm do Kiểm toán điều chỉnh giảm số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long căn cứ trên báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty này theo quy định của TT 228/2009/TT-BTC và TT 89/2013/TT-BTC, số dự phòng giảm 54.067.330 đồng.

(4) Mã số 261 tăng do Kiểm toán phân loại lại tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo thông tư 45/2013/BTC sang công cụ dụng cụ chờ phân bổ (trong đó giá trị còn lại của tài sản cố định và tài sản cố định vô hình chuyển sang công cụ dụng cụ phân bổ lần lượt là 31.515.360 đồng và 70.909.093 đồng).

(5) Mã số 311 tăng do Kiểm toán kết chuyển tăng nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 sang nợ dài hạn đến hạn trả theo lịch trả nợ của các bên cho vay (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam_CN Sài Gòn là 759.060.000 đồng và của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam là 1.514.228.995 đồng).

(6) Mã số 316 tăng do Kiểm toán điều chỉnh số trích trước chi phí lãi vay Công ty trình bày trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp khác" sang khoản mục "Chi phí phải trả", số tiền 132.461.894 đồng.

(7) Mã số 334 giảm do Kiểm toán điều chỉnh số trích trước chi phí lãi vay Công ty trình bày trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp khác" sang khoản mục "Chi phí phải trả", số tiền 132.461.894 đồng.

(8) Mã số 334 giảm do Kiểm toán kết chuyển tăng nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 sang nợ dài hạn đến hạn trả theo lịch trả nợ của các bên cho vay (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam_CN Sài Gòn là 759.060.000 đồng và của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam là 1.514.228.995 đồng) và ghi nhận bổ sung chênh lệch tỷ giá trong thanh toán khi thanh toán nợ cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam, số tiền là 9.807.034 đồng.

(9) Mã số 420 giảm do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	Mã số	BCTC 2013 (trước kiểm toán)	BCTC năm 2013 (đã kiểm toán)	Chênh lệch	
Giá vốn hàng bán	22	88.738.523.548	89.090.285.742	351.762.194	(1)
Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.492.447.959	1.497.078.712	4.630.753	(2)
Chi phí tài chính	24	1.803.262.421	1.744.018.810	(59.243.611)	(3)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	985.278.648	697.390.818	(287.887.830)	(4)

Chi tiết chênh lệch:

(1) Mã số 22 tăng do Kiểm toán trích bổ sung chi phí khấu hao hệ thống ép nắp nhựa đã ghi nhận tăng nguyên giá trong năm 2013, số tiền 351.762.194 đồng.

(2) Mã số 23 tăng do Kiểm toán điều chỉnh tăng lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán khoản vay dài hạn đến hạn trả, số tiền là 9.807.034 đồng và giảm số chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm Công ty ghi nhận vừa doanh thu tài chính và chi phí tài chính, số tiền 5.176.281 đồng.

(3) Mã số 24 giảm do Kiểm toán điều chỉnh giảm số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long căn cứ trên báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty này theo quy định của TT 228/2009/TT-BTC và TT 89/2013/TT-BTC, số dự phòng giảm 54.067.330 đồng và và

giảm số chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm Công ty ghi nhận vừa doanh thu tài chính và chi phí tài chính, số tiền 5.176.281 đồng.

(4) Mã số 60 giám đo ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	BCTC năm 2013 (trước kiểm toán)	BCTC năm 2013 (đã kiểm toán)	Chênh lệch
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	97.435.201.798	93.731.245.847	(3.703.955.951)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(73.242.446.294)	(84.131.521.844)	(10.889.075.550)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.813.675.187)	(9.231.534.171)	582.141.016
Tiền chi trả lãi vay	04	(1.803.262.421)	(818.626.151)	984.636.270
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.702.561.358	869.569.657	(1.832.991.701)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.232.062.609)	(2.151.387.003)	9.080.675.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.046.316.645	(1.732.253.665)	(5.778.570.310)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.957.799.484)	(1.515.076.798)	11.442.722.686
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.031.998.686	70.000.000	(2.961.998.686)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	12.716.100	12.716.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.925.800.798)	(1.432.360.698)	8.493.440.100
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.510.768.660	28.345.220.005	(165.548.655)
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.607.263.864)	(25.853.350.954)	(3.246.087.090)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(268.612.237)	(1.535.766.315)	(1.267.154.078)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.962.794.574)	-	1.962.794.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.672.097.985	956.102.736	(2.715.995.249)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.207.386.168)	(2.208.511.627)	(1.125.459)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.125.459	1.125.459
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.500.720.753	1.500.720.753	-

Nguyên nhân chênh lệch: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty do phần mềm kế toán tổng hợp nên một số chỉ tiêu được mặc định sẵn, chưa tổng hợp đúng dòng tiền thực tế của các hoạt động trong Công ty. Kiểm toán tổng hợp lại lưu chuyển tiền thực tế theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính theo thực tế phát sinh tại Công ty nên phát sinh chênh lệch số liệu so với số liệu Công ty tổng hợp.

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình để Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng.

**XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH
HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

**TM. CÔNG TY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Văn Thảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0522-13-002-1

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm
2014

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán số 2202-2013-
002-1



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Hiệp

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu (HCNS, KTNQ, ĐTTC & AASC)

